

Là giải pháp chiếu sáng huỳnh quang hiệu quả với độ hoàn màu được cải thiện

TL-D LIFEMAX Super 80

Đèn TL-D LIFEMAX Super 80 cho quang hiệu cao hơn (số lumen trên mỗi watt) và độ hoàn màu tốt hơn so với màu tiêu chuẩn TL-D. Hơn nữa, đèn còn có hàm lượng thủy ngân thấp hơn. Có thể sử dụng cho các bộ đèn TL-D hiện có.

Lợi ích

- Độ hoàn màu tốt
- Hiệu suất tương đối cao từ lúc đầu sử dụng đến khi hết thời hạn sử dụng, độ duy trì quang thông cao
- Có thể thay đổi không khí bằng ánh sáng từ trắng ấm đến trắng mát

Tính năng

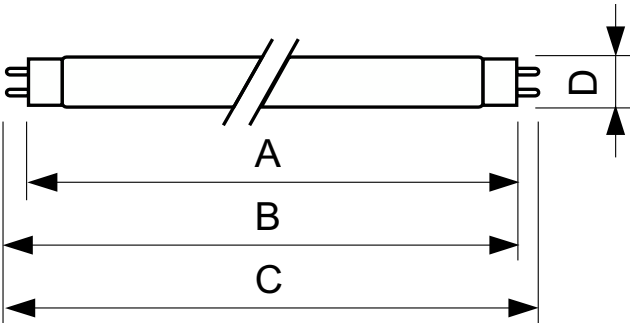
- Lớp phủ huỳnh quang 3-dải tần cho hiệu suất cao
- Lượng quang thông ban đầu cao hơn so với các màu tiêu chuẩn
- Hàm lượng thủy ngân thấp
- Có thể sử dụng với bộ điều khiển thông thường hoặc điện tử
- Hiệu suất cao hơn nhờ bộ điều khiển điện tử

Ứng dụng

- Sử dụng rộng rãi cho nhiều hệ thống chiếu sáng bằng đèn huỳnh quang TL-D phục vụ hoạt động của 'con người' như trường học, văn phòng, cửa hiệu, nhà xưởng v.v.

TL-D LIFEMAX Super 80

Bản vẽ kích thước



Product	D (max)	A (max)	B (max)	B (min)	C (max)
TL-D 18W/830 1SL/25	28 mm	589,8 mm	596,9 mm	594,5 mm	604 mm
TL-D 18W/840 1SL/25	28 mm	589,8 mm	596,9 mm	594,5 mm	604 mm
TL-D 18W/865 1SL/25	28 mm	589,8 mm	596,9 mm	594,5 mm	604 mm
TL-D 36W/830 1SL/25	28 mm	1.199,4 mm	1.206,5 mm	1.204,1 mm	1.213,6 mm
TL-D 36W/840 1SL/25	28 mm	1.199,4 mm	1.206,5 mm	1.204,1 mm	1.213,6 mm
TL-D 36W/865 1SL/25	28 mm	1.199,4 mm	1.206,5 mm	1.204,1 mm	1.213,6 mm

Vận hành và điện

Thông tin chung	
Đế dui đèn	G13
Tuổi thọ danh định	15.000 h
Điều khiển và điều chỉnh độ sáng	
Có thể điều chỉnh độ sáng	Có
Cơ khí và vỏ đèn	
Hình dạng bóng đèn	T8
Phê duyệt và ứng dụng	
Hàm lượng thủy ngân (Hg) (Danh định)	2,0 mg

Thông tin kỹ thuật về đèn

Order Code	Full Product Name	Ký hiệu màu sắc	Nhiệt độ	Chỉ số	Quang hiệu
			màu tương ứng (Nom)	hoàn màu (CRI)	(định mức) (Danh định)
927980283036	TL-D 18W/830 1SL/25	Trắng ấm (WW)	3000 K	83	75 lm/W
927980284036	TL-D 18W/840 1SL/25	Trắng mát (CW)	4000 K	82	75 lm/W
927980286536	TL-D 18W/865 1SL/25	Ánh sáng ban ngày mát	6500 K	80	71 lm/W

Order Code	Full Product Name	Ký hiệu màu sắc	Nhiệt độ	Chỉ số	Quang hiệu
			màu tương ứng (Nom)	hoàn màu (CRI)	(định mức) (Danh định)
927982283036	TL-D 36W/830 1SL/25	Trắng ấm (WW)	3000 K	83	90 lm/W
927982284036	TL-D 36W/840 1SL/25	Trắng mát (CW)	4000 K	82	90 lm/W

